

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 145/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2024

V/v Tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Kim Thương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Thành Nhơn.
- Bà Lê Ngọc Như Chi.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 536/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1995; Địa chỉ thường trú: 016/GS, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1975; Địa chỉ: 2 M, Phường F, Quận F, TP .. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Thị L trình bày:

Bà Phan Thị L và ông Trần Ngọc C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, đến năm 2017 đăng ký kết hôn ngày 07/6/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, do Ủy ban nhân dân Phường F, Quận F, TP . cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà 2 M, Phường F, Quận F cùng với gia đình chồng, sống hạnh phúc thời gian ngắn. Khoảng cuối năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông C làm tài xế hay nhậu nhẹt về khuya lại gây sự với bà L. Gia đình chồng có biết sự việc nhưng không can thiệp, để vợ chồng bà L tự giải quyết. Bà L đã khuyên nhủ ông C nhiều lần nhưng ông C không thay đổi. Đến cuối năm 2022 bà L bỏ về nhà mẹ ruột tại huyện B, tỉnh Bến Tre sống, vợ chồng ly thân cho đến nay, ông C có liên lạc khuyên nhủ bà L quay về nhưng bà L không đồng ý vì nhận thấy ông C

không thay đổi. Nay tình cảm không còn, bà L xin ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tiểu L1, sinh ngày 20/9/2017, hiện ông Trần Ngọc C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L đồng ý để ông C tiếp tục nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn là ông Trần Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai.*

Tại phiên tòa hôm nay, bà L có đơn xin vắng mặt, không có đơn rút yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Ngọc C.

*Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, Quận F, ông Trần Ngọc C có thực tế cư trú tại Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà L có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, bà Phan Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Trần Ngọc C vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị L và ông Trần Ngọc C tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 07/6/2017 do Ủy ban nhân dân Phường F, Quận F, TP . cấp. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau....Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng,

Theo bà L, từ cuối năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông C hay nhậu nhẹt, bà L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được nên cuối năm 2022 vợ chồng ly thân đến nay, không hàn gắn được, tình cảm không còn.

Về phía ông Trần Ngọc C, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho ông C về việc bà L

có đơn yêu cầu ly hôn ông C. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo thụ lý đến nay ông C không có văn bản gửi Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà L, cũng không đến Tòa án để tham dự hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Cho thấy mối quan hệ giữa ông C và bà L đã không còn gắn bó; vợ chồng ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, ông C không còn tha thiết đến tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng; phía bà Phan Thị L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của bà L là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Bà L xác định, bà L và ông C có 01 con chung tên Trần Tiểu L1, sinh ngày 20/9/2017, hiện ông Trần Ngọc C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L đồng ý để ông C tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không tranh chấp, cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Đồng thời, theo công văn phúc đáp số 30/UBND ngày 10/01/2024 của Ủy ban nhân dân Phường F, Quận F thì con chung của ông C và bà L là trẻ Trần Tiểu L1, sinh ngày 20/9/2017 hiện do ông C trực tiếp nuôi dưỡng, ông C đang làm tài xế có thu nhập, đủ điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do vậy, HĐXX ghi nhận ý kiến của bà L về việc đồng ý để ông C tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị L và ông Trần Ngọc C tự thỏa thuận.

[4] Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị L phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

### **TUYÊN XỬ:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị L đối với

ông Trần Ngọc C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày 07/6/2017 do Ủy ban nhân dân Phường F1, Quận F, TP . cấp cho bà Phan Thị L và ông Trần Ngọc C không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Ghi nhận ý kiến của bà Phan Thị L về việc đồng ý để ông Trần Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Trần Tiêu L1, sinh ngày 20/9/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị L và ông Trần Ngọc C tự thỏa thuận.

Bà Phan Thị L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4/ Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0038341 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, TP ..

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND Phường 12, Quận 6.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Kim Thương**